TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18-7-2024
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Trí Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Phước và bà Diệp Thị Thu Nguyệt.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đặng Huỳnh Hoa Lý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu – Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2024 về việc: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 116/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Võ Văn Đ, sinh năm 1988;

Địa chỉ: ấp B, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Chị Trần Thị Mỹ X, sinh năm 1996;

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện T, tỉnh An Giang.

Nơi ở hiện nay: ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang

Tại phiên tòa, anh Võ Văn Đ có mặt, chị Trần Thị Mỹ X vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là anh Võ Văn Đ trình bày: Anh và chị Trần Thị Mỹ X do tự tìm hiểu rồi chung sống với nhau từ năm 2012, không tổ chức đám cưới và có đăng ký hết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh An Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau hai con chung tên Võ Văn Đ1, sinh ngày 09/02/2013 và Võ Văn T, sinh ngày 11/11/2016. Tuy nhiên đến năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không còn phù hợp nên thường hay cự cải

và cuộc sống không còn hạnh phúc, mặc dù đã tha thứ nhiều lần cố gắng duy trì cuộc sông hôn nhân để nuôi dạy con cái nhưng không có kết quả.

Nay, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Anh Võ Văn Đ yêu cầu được ly hôn chị Trần Thị Mỹ X;

Về con chung: Có hai con chung tên Võ Văn Đ1, sinh ngày 09/02/2013, Võ Văn T, sinh ngày 11/11/2016 hiện đang sống cùng chị. Khi ly hôn anh Võ Văn Đ yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu chị X cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn là chị Trần Thị Mỹ X để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị Trần Thị Mỹ X vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị Trần Thị Mỹ X cũng như không tiến hành hòa giải được.

Tòa án đã ban hành thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ và thông báo cho chị Trần Thị Mỹ X biết để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng chị Trần Thị Mỹ X cũng không có ý kiến phản hồi.

Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn anh Võ Văn Đ trình bày: Anh vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị Mỹ X; yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu chị X cấp dưỡng cho con; về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Trần Thị Mỹ X vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Tại phiên tòa, anh Võ Văn Đ có mặt, chị Trần Thị Mỹ X vắng mặt lần thứ hai không lý do nên căn cứ Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Văn Đ

Về hôn nhân: Anh Võ Văn Đ được ly hôn với chị Trần Thị Mỹ X.

Về con chung: Giao hai cháu Võ Văn Đ1, sinh ngày 09/02/2013 và Võ Văn T, sinh ngày 11/11/2016 cho anh Võ Văn Đ nuôi dưỡng; chị X không cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về chi phí tố tụng và án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Anh Võ Văn Đ và chị Trần Thị Mỹ X chung sống với nhau có đăng ký kết hôn (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 82 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 12 tháng 7 năm 2018). Chị Trần Thị Mỹ X có địa chỉ thường trú tại: ấp V, xã V, huyện T, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Anh Võ Văn Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn chị Trần Thị Mỹ X; yêu cầu được nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*.

Tại phiên tòa, anh Võ Văn Đ có mặt, chị Trần Thị Mỹ X vắng mặt lần thứ hai không lý do nên căn cứ Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Xét việc tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Võ Văn Đ và chị Trần Thị Mỹ X xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 12 tháng 7 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh An Giang theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Anh Võ Văn Đ cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên do tính tình không còn phù hợp nên thường hay cự cải và cuộc sống không còn hạnh phúc, mặc dù đã tha thứ nhiều lần cố gắng duy trì cuộc sống hôn nhân để nuôi dạy con cái nhưng không có kết quả. Chị Trần Thị Mỹ X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh Võ Văn Đ và cũng không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ thể hiện phản bác hay chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện của anh Võ Văn Đ cho thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài.

Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh Võ Văn Đ được ly hôn với chị Trần Thị Mỹ X.

[2.2] Về con chung:

Anh Võ Văn Đ trình bày anh và chị Trần Thị Mỹ X có hai con chung là Võ Văn T, sinh ngày 11/11/2016 và Võ Văn Đ1, sinh ngày 09/02/2013, hiện tại các cháu đều đang sống cùng anh Đ. Quá trình giải quyết vụ án, cháu T và cháu Đ1 cũng có nguyện vọng tiếp tục sống chung với anh Đ

Xét thấy, việc giao cháu T và cháu Đ1 cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng là cần thiết để không làm ảnh hưởng cuộc sống của các cháu.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Võ Văn Đ giao cháu Võ Văn Đ1, sinh ngày 09/02/2013 và cháu Võ Văn T, sinh ngày 11/11/2016 cho anh Võ Văn Đ nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con:

Tòa án đã giải thích về nghĩa vụ cấp dưỡng đối với người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nhưng anh Võ Văn Đ vẫn không yêu cầu chị Trần Thị Mỹ X cấp dưỡng cho con, quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thị Mỹ X cũng không có ý kiến về việc cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Anh Võ Văn Đ trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Anh Võ Văn Đ trình bày không có nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Như các phân tích nêu trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Văn Đ.

1. Về hôn nhân: Anh Võ Văn Đ được ly hôn với chị Trần Thị Mỹ X.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Văn T, sinh ngày 11/11/2016 và cháu Võ Văn Đ1, sinh ngày 09/02/2013 cho anh Võ Văn Đ nuôi dưỡng. Chị Trần Thị Mỹ X không cấp dưỡng cho con.

Chị Trần Thị Mỹ X và các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của anh Võ Văn Đ. Anh Võ Văn Đ và các thành viên trong

gia đình (nếu có) không được cản trở chị Trần Thị Mỹ X trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản:

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Ghi nhận anh Võ Văn Đ xác định không có nợ chung. Tuy nhiên, sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh, chị trong thời kỳ sống chung thì anh Võ Văn Đ và chị Trần Thị Mỹ X phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

4. Về án phí: Anh Võ Văn Đ phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013787 ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn. Anh Võ Văn Đ đã nộp đủ. Chị Trần Thị Mỹ X không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (1);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn (1);
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn (1);
- Uỷ ban nhân dân xã An Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lâm Trí Nguyên